

Bài 59. Kinh Tăng Chi | Chương Ba pháp | Phẩm Ananda (tt1) | Sư Giác Nguyên giảng 30/04/2018

Chúng ta học Kinh Cần Phải Khích Lệ. Để bắt đầu bài kinh này thì tôi ôn lại một bài kinh cũ nằm ở phần đầu của Tăng Chi mà chúng ta đã học.

Trong bài kinh đó, Đức Phật Ngài dạy rằng ơn cha nghĩa mẹ cao rộng như trời mà sâu như biển vậy đó. Cho nên một người con chí hiếu, cho dầu có công cha mẹ, cho hai vị ngồi trên vai, cha một bên, mẹ một bên, mà đi bộ suốt 100 năm như vậy, để cho cha mẹ tha hồ tiểu tiện trên người của mình, đi từ nơi này tới nơi khác, mà cha mẹ có tiểu tiện trên vai của mình, thì Ngài dạy rằng chừng đó cũng chưa đủ để trả hết tấm lòng mà cha mẹ đã dành cho mình.

Vì trên đời này, chỉ trừ ra có bậc Thánh đối với chúng sanh mới được cái là liên tục từ tâm thôi, chứ còn ngay cả những hành giả tu tập từ tâm thì cũng có lúc họ có từ tâm với mình, nhưng cũng có lúc không. Nhưng mà riêng cha mẹ, thì dĩ nhiên bên cạnh tình cảm ái dục, quyến luyến, luyến ái, khía cạnh máu mủ, bên cạnh cái ái, thì không biết bao nhiêu phút giây mà cha mẹ nghĩ về con cái bằng cái từ tâm. Là sao? Có nghĩa là con nó có tệ với mình cách mấy đi nữa thì mình cũng thương nó, nó có khùng, có hung dữ, nó có bất hiếu gì đi nữa thì mình cũng thương nó thôi, mình bỏ nó không có được.

Chính vì chỗ này cho nên cái ơn của cha mẹ đối với con lớn lắm, lớn đến mức mà con để cha mẹ ngồi hai bên vai rồi mình đi bộ suốt 100 năm như vậy, rồi để cho cha mẹ tiểu tiện trên người của mình 100 năm như vậy thì cũng không trả hết cái ơn đó.

Tuy nhiên, nếu mà người con là một người có đức tin nơi Chánh Pháp, giúp đỡ cho cha mẹ có được bốn thứ thiện pháp là niềm tin, giới hạnh, bố thí và trí tuệ, thì Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Này các Tỳ-kheo, trong trường hợp này thì người con mới gọi là hy vọng trả hết được cái ơn cho cha mẹ.”

Là bởi vì mình để cha mẹ ngồi trên vai mà suốt 100 năm rồi đi bộ từ nơi này qua nơi khác, kể cả việc để cho cha mẹ tiểu tiện trên mình, thì nghe thì nó ghê gớm thiệt đó, nhưng mà cha mẹ được cái gì từ chuyện đó, từ chuyện mà mình cực nhọc như vậy?

Nhưng mà nếu mình hướng dẫn đời sống tâm linh, tinh thần cho cha mẹ, làm sao mà cho cha mẹ có niềm tin vào Chánh Pháp, vào Tam bảo, cho cha mẹ biết giữ giới, biết bố thí và biết sống trong trí tuệ.

Bố thí, giới hạnh, niềm tin và trí tuệ, bốn cái này nếu mà cha mẹ có được thì ngay hiện tại cha mẹ được an lành, an lạc. Dầu giàu dầu nghèo, dầu khỏe dầu bệnh, nhưng mà có được bốn cái này là các vị trong room chắc chắn phải tin là cha mẹ được an lạc. Tôi tin điều này 1000%.

Còn chuyện mà cho cha mẹ ngồi ở trên vai của mình hay là để cha mẹ ngồi ở trên ngai vàng, mình quỳ mình lạy mỗi ngày, thì cha mẹ được cái gì? Tôi không chắc là vì vậy mà cha mẹ vui. Cũng có đôi khi cũng hãnh diện, cũng thấy sung sướng, nhưng mà cái đó nó không có bền.

Nhưng mà riêng về trường hợp cha mẹ có được bốn pháp gọi là biết giữ giới, biết bố thí, có niềm tin, có trí tuệ, thì với bốn cái này tôi tin là cha mẹ chắc chắn là an lạc hiện tại. Và với bốn pháp này thì tôi tin rằng cha mẹ có cái kiếp sau không tệ, không phải một kiếp mà rất nhiều kiếp!

Từ bài kinh đó chúng ta mới quay trở lại bài kinh sáng nay. Đức Phật Ngài dạy rằng với bất cứ ai mà chúng ta có lòng thương mến, quý trọng họ, thì chúng ta nên hướng dẫn họ vào niềm tin Chánh Pháp.

Chúng ta nên nhớ rằng cái chuyện mà mình tin tưởng nơi Đức Phật, Ngài cũng không có được cái gì đâu mà Ngài kêu mình tin nơi Ngài. Quý vị về suy nghĩ kỹ lại coi Ngài

được cái gì? Ngài không được gì hết đó! Ngài đâu có được gì đâu. Bây giờ cả thế giới này quỳ lạy dưới chân Ngài thì Ngài cũng như vậy, mà cả thế giới này có quay lưng chống lại Ngài thì Ngài cũng như vậy thôi!

Nhưng vì lòng đại bi, vì đại trí, Ngài thấy, Ngài thương, Ngài biết rằng với một người mà có niềm tin nơi chư Phật, lời dạy của chư Phật, nơi Tăng đoàn Thánh chúng của chư Phật, thì người này chắc chắn là được an lạc hiện tiền và cái kiếp mai hậu không tệ! Mà cũng gieo được cái duyên lành giải thoát.

Chưa hết, ở trong Trung Bộ Kinh có câu này: amhe pemamattam saggaparāyaṇam, có nghĩa là chỉ cần người nào đó có lòng thương quý Như Lai thôi, thương quý chư Phật, thương quý một Đức Phật, thì coi như cũng đủ sanh thiên rồi. Cái câu này là câu thần chú của tôi, trong Trung Bộ Kinh. Amhe, có chỗ để là mayi pemamattam saggaparāyaṇam, tức là chỉ có niềm thương đối với Như Lai cũng đủ để sanh thiên rồi.

Thí dụ như mình thấy ngựa Kiền Trắc tiến Bồ-tát đi rồi quay lưng lại trên đường về cung lẩn ra chết, cũng sanh thiên. Mà lúc đó Ngài còn phàm. Bởi vì thương Bồ-tát, thương Phật là mình thương cái thiện.

Rồi con voi Pārileyyaka hầu Phật ba tháng ở trong rừng Kosambī. Khi mà Phật tới khi hết ba tháng hạ rồi, thì Phật ra khỏi rừng, Phật có đứng lại Phật nói:

“Tới chỗ này là thuộc về khu vực dân cư, nguy hiểm cho con. Con quay về rừng đi, con đừng có theo Như Lai nữa. Kiếp này là không có gặp nữa rồi.”

Ngài vừa nói đến đó xong là con voi nó lăn đùng ra nó chết ngất. Nó chết rồi nó sanh thiên liền tức thì vậy đó. Thương thôi, chỉ thương Phật thôi!

“Thôi, bên đây là địa giới của loài người, khu vực dân cư không an toàn cho con. Con quay về rừng đi, và có lẽ đây là lần cuối cùng...”

mà con gặp Như Lai.

Chỉ nghe chừng đó thôi là bế tim mà đi! Cho nên ở đây chỉ là cái niềm thương đối với chư Phật thôi.

Khi tôi kể về Phật, tôi tìm đủ cách, không phải tôi thêm thắt thêm dẹt, mà tôi tìm đủ thứ Kinh hết để mà tôi kể một câu chuyện. Tại có khi cũng câu chuyện đó mà mình phải đọc nhiều chỗ mình mới có những cái chi tiết đặc biệt, để cho bà con mới thấm thía cái câu chuyện đó, mới thấy thương Đức Phật!

Có nhiều cái hoàn cảnh đặc biệt lắm. Phải biết những cái chi tiết đặc biệt mình mới thương Ngài. Các vị tướng tước đi, 20 a-tăng-kỳ về trước, Ngài muốn thành Thịnh-văn là khỏe rồi. Rồi cách đây 4 a-tăng-kỳ về trước, Ngài gặp Phật Nhiên Đăng, Ngài muốn thành Thịnh-văn là ngon lành rồi. Và bao nhiêu lần Ngài thừa sức Ngài thành Độc Giác, Ngài níp-bàn mất tiêu rồi. Nhưng mà không, Ngài ráng Ngài đi cho hết cái con đường Chánh-đăng-chánh-giác, rồi cuối cùng thành Phật.

Từ cái lúc mà thành Phật dưới gốc Bồ-đề mà nhận lời Phạm-thiên đi lên đường hoằng Pháp, các vị biết cái chuyện này các vị mới thấy thương. Ngày ăn có một bữa hà, chứ không phải như mình, thí dụ như còn có điểm tâm, rồi có nhiều khi đói bụng được đệ tử cho xôi yến. Còn Ngài làm gì có! Mà có nhiều khi chỉ vì độ cho một cái người trời ơi đất hỡi, mà Ngài vì họ Ngài nhịn đói, các vị biết không. Đứng đó nghe nó chửi, nó chửi cho đã xong xuôi rồi mình giảng cho nó nghe. Nó nghe xong nó đắc Quả, rồi hết giờ cũng có. Hoặc có nhiều khi họ nghe xong, họ phát niềm tin, họ đem cúng dường, Ngài nói:

“Không, Như Lai không có ăn bất cứ cái gì mà do mình nói mà được. Chư Phật không có ăn cái đồ ăn như vậy. Bởi vì rõ ràng ông cúng Như Lai là vì ông nghe Như Lai nói chuyện, đúng không? Như vậy Ta không ăn cái đồ đó.”

Thế là Ngài ôm bát Ngài trở về, cái bữa đó coi như là xong! Mà thương lắm. Có lần đó Ác-ma Thiên-tử xuống phá Ngài. Thấy Ngài đi bát, Ác-ma mới dùng thần thông che mắt không cho ai thấy Ngài hết. Thế là bữa đó Ngài ôm bát không Ngài trở về.

Thì trong Kinh nói vị Chánh-đăng-chánh-giác có 4 điều bất khả xâm phạm:

1. Hào quang bất khả xâm phạm

Có nghĩa là khi mà Ngài không có phóng quang thì thôi, mà khi Ngài phóng quang thì cái hào quang của Ngài xuyên qua đất, cây cỏ, đá, tường vách, không có gì cản được hết. Tức là Ngài luôn luôn ngồi ở trong một quầng sáng hình oval có hình dáng của thân Ngài.

Và khi Ngài lên cõi Phạm-thiên, hào quang chư Thiên, rồi Phạm-thiên hào quang chói ngời như vậy, nhưng mà khi Đức Thế Tôn bước lên đó thì cái hào quang của Ngài là một vùng sáng riêng, không có hòa lẫn vào cái ánh sáng của Phạm-thiên trên đó. Đặc biệt như vậy. Nghĩa là hào quang bất khả xâm phạm.

2. Lợi lộc bất khả xâm phạm

Có nghĩa là một món ăn hay là một món đồ, một bộ y, một cái giường, một cái ghế, một cái tấm trải ngồi, hay là một củ sắn, củ khoai mà người ta cố ý, người ta nghĩ rằng là chuẩn bị cái này để cúng dường Thế Tôn, thì trời có sập xuống đi nữa, thì cái món đồ đó vẫn chờ cho đến khi nào Ngài nhận xong rồi thì mới tính.

Nhưng mà nếu mà người ta chưa có cái ý sẵn sàng, thì Ác-ma nó phá được. Thí dụ như Ác-ma biết sáng nay Thế Tôn đi khát thực, thì Ác-ma mới dùng thần thông tạo ra những hình ảnh, âm thanh, hoặc là xúi giục cho người ta bận tâm chuyện này chuyện kia để người ta đừng có nhìn ra đường thấy Thế Tôn đi bát. Cái đó thì được. Bởi vì người ta chưa có cái ý, người ta đâu biết hôm nay Thế Tôn đi ngang cái đoạn đường này đâu. Vậy thì được.

Nhưng mà một khi mà người ta đã có cái ý là hôm nay sẽ đi bát cho Thế Tôn, là coi như 800 Ác-ma cũng không có làm được chuyện đó. Là vì sao? Là vì thứ nhất là Phật lực là vô hạn, thứ hai cái ba-la-mật của Ngài nhiều vô số kể, thì cái phước báu của Ác-ma không có lấn lướt được. Cho nên cái thứ hai là lợi lộc bất khả xâm phạm.

3. Tánh mạng bất khả xâm phạm

Có nghĩa là tất cả các vị Chánh-đẳng-chánh-giác không có cách chi mà bị tử thương, không có cách chi mà bị ai đó giết hại. Cho nên các Ngài gọi là thủy hỏa bất xâm mà đao thương bất nhập là chỗ đó. Cái chuyện này dễ hiểu thôi. Người ta tu mấy chục a-tăng-kỳ mà cái mạng cuối cùng mà ai muốn làm gì làm vậy thì đâu có được.

Cái thứ hai, cái tuổi thọ của chư Phật Chánh-đẳng-chánh-giác là liên hệ đến cái sự an lạc, khổ vui của vô lượng vũ trụ. Ngài mà đột ngột ra đi thì tổn thất lớn cỡ nào! Cho nên các vị Chánh-đẳng-chánh-giác là dứt khoát ra đi lúc nào cũng bằng cái cách tự nhiên nhất, có nghĩa là mãn thọ rồi mất.

Mãn thọ ở đây là sao? Trong Kinh nói, thí dụ như thời đó chúng sanh sống 100, thì Ngài 80 thôi. Hoặc là thí dụ như là thời đó người ta sống 200, thì Ngài khoảng một trăm mấy thôi, trăm tư, trăm sáu. Nghĩa là Ngài sống không có hết cái tuổi thọ của thời đó. Tại sao vậy? Vì đó là cái luật của thiên nhiên, cái luật của vũ trụ. Tất cả Chánh-đẳng-chánh-giác đều phải đi sớm hơn chúng sanh một chút xíu.

Thí dụ như hôm nay, mà Ngài sanh ra trong cái thời này, cái tuổi thọ trung bình là 75, 80, thì tầm đó là khoảng 65 hoặc 70 maximum là Ngài tịch rồi, nếu mà thời này. Ngài ra đi như vậy thì không có sớm lắm, nhưng cũng không có phải là thượng thọ. Là bởi vì phải đi như vậy nó mới để lại cái niềm kinh cảm cho chúng sinh, chúng sinh họ mới sốc. Đó là cái luật.

Khi mà mãn thọ rồi thì tự nhiên các Ngài nhẹ nhàng xuôi tay mà đi. Các vị phải nhớ là chư Phật mình đọc sách, mình đọc Kinh mình thấy nói.

Ngài bị bệnh này, bệnh kia trước khi mất, chứ thật ra trong cái giây phút Ngài ra đi, Ngài ra đi một cách rất là an lạc. Là vì sao?

Thứ nhất là cái cơ thể Ngài tự có khả năng điều tiết. Thứ hai là cái khả năng mà nhập thiền của Ngài, nhập định của Ngài là coi như vô địch rồi. Cho nên chỉ cần Ngài nghĩ

trong bụng thôi, Ngài nghĩ: “Mình nghỉ ngơi một lát đi. Mình nghỉ ngơi bằng cái loại định nào, bằng cái loại đại định nào?” Ngài chỉ nghĩ mình sẽ nghỉ ngơi bằng cái loại đại định nào là lập tức là Ngài an trú vào loại đại định đó. Và khi Ngài đã vào trong đó rồi thì Ngài không có cảm giác gì về thân xác nữa hết đó. Rồi đến đúng lúc thì tự nhiên Ngài ra đi luôn, viên tịch níp-bàn!

Quy y Phật, quy y Pháp

Cho nên hiểu được chừng đó mình mới thấy rằng quy y Phật là mình quy y một cái nhân cách lớn, một con người vĩ đại. Cho nên Phật dạy mình thương ai mình phải an trú người đó vào cái niềm tin nơi Phật Bảo. Và cái con người mà cái gì cũng biết, ai Ngài cũng thương, cái con người như vậy, những cái lời dạy của Ngài dứt khoát là đáng thờ lạy, đáng tin tưởng.

Chính Ngài xác nhận rằng là cái biết của Ngài nó nhiều như lá trong rừng, mà cái điều mà Ngài nói ra cho chúng sinh từ kim khẩu của Ngài chỉ như nắm lá trong tay thôi. Vì sao vậy? Vì Ngài chỉ nói ra cái gì mà nó giúp ích cho cái con đường giải thoát.

Nếu mà chính miệng Ngài nói như vậy thì rõ ràng là toàn bộ Phật Pháp mà mình được học, được đọc hôm nay đều đúng là lời vàng hết đó. Bởi vì nó chỉ là một nắm lá được chặt lọc, được extract từ cái khu rừng đó. Các vị thấy kinh khủng chưa? Cho nên, thương ai, quý ai, mến ai, muốn đem lại cái lợi ích cho ai thì nên giúp người đó có niềm tin nơi Chánh Pháp.

Niềm tin nơi Tam Bảo tùy căn cơ

Và ở đây, có một chuyện chúng ta cũng phải nói rõ là tùy vào cái căn cơ, cái sở tánh, cái nền tảng thiện ác, phước báu, công đức của mỗi người mà cái niềm tin của chúng ta nơi Phật và nơi Pháp không có giống nhau. Cái này quan trọng lắm.

Một người giỏi Giáo lý thì tin Phật khác với người không có biết Giáo lý. Một người trí tuệ nhiều, có cái thói quen thâm sâu thì tin Phật sâu sắc hơn cái người nông cạn, thiển cận. Cái người nhiều niềm tin hơn trí tuệ tin Phật cách khác, người trí tuệ nhiều hơn niềm tin tin Phật cách khác. Người định mạnh mà niềm tin ít, rồi niềm tin nhiều mà định yếu, hoặc là trí nhiều mà niềm tin ít, trí ít mà niềm tin nhiều. Nói chung niềm tin của mình nơi Phật Pháp không ai giống ai hết.

Bởi vì chúng ta từ nhiều nguồn mà có được thiện pháp và ác pháp, cho nên cái ác pháp của mỗi người không giống ai và cái thiện pháp của mỗi người cũng không giống ai. Chính vì cái chỗ thiện ác của mỗi người không giống ai, cho nên cái nền tảng tâm thức của ta cũng không có giống ai. Và từ cái nền tảng tâm thức không giống ai này, chúng ta có một cái kiểu tin Tam Bảo không có giống nhau.

Chúng ta có thể hiểu Phật giống nhau, có thể hiểu Pháp giống nhau, có thể có niềm tin nơi Tam Bảo giống nhau. Tuy nhiên, tùy vào cái khuynh hướng tâm lý mà chúng ta tin tưởng Tam Bảo bằng cách là chú mục, tập chú vào cái khía cạnh nào của Đức Phật. Có người họ thương quý Đức Phật là bởi vì họ chú ý đến khía cạnh từ tâm của Phật. Họ nghe tới cái chỗ ai Ngài cũng thương. Cặp mắt Ngài nhìn cái người mà muốn giết Ngài, rồi cái người dám hy sinh mạng sống cho Ngài, Ngài nhìn hai người đó giống nhau y chang. Ngài không có nặng với người nào mà cũng nhẹ với người nào là không có.

Chuyện Đề-bà-đạt-đa hồi tâm

Bởi vậy cho nên ông Đề-bà-đạt-đa lúc mà phản Phật, xong rồi sau đó ông hồi tâm, ông mới nói đệ tử:

“Khiêng ta về gặp Phật lần cuối. Ta thấy hình như ta không có qua khỏi đâu, không qua khỏi cái thôn trang này đâu.”

Thì đệ tử ông cản, nói:

“Trời đất ơi, sư phụ năm lần bảy lượt hại Phật, rồi bây giờ sư phụ tưởng tượng đi, Phật có còn nhìn mặt sư phụ nữa không?”

Thì ông Đề-bà-đạt-đa nói:

“Các con hiểu Phật không có bằng ta. Trong lòng của Thế Tôn, ta là người muốn giết Ngài và Rāhula là con của Ngài, thì Ngài coi hai người giống nhau như một!”

Cái câu này chính Đề-bà-đạt-đa nói ra:

“Các con không có hiểu Thế Tôn bằng ta đâu. Trong lòng của Ngài, ta và Rāhula là giống nhau như giọt nước vẩy. Thế Tôn không có nặng và nhẹ với ai hết, không có xem ai nặng hơn ai hết. Tin ta đi.”

Nhưng mà do cái ác nghiệp của ông nặng quá, cho nên đệ tử khiêng ông tới trước chùa Kỳ-viên có cái hồ, ông nói:

“Mình mấy ta mấy ngày nay bệnh hoạn nó hơi hám, bất tịnh. Thôi cho ta xuống ta tắm sạch sẽ, ta vào ta lạy Phật sám hối.”

Thì ông mới vừa bước xuống thì coi như đất nó sụp xuống, nó tạo thành một cái mà hôm nay ta gọi là sinkhole. Trong Kinh nói nó nuốt từ từ, chứ không phải nó sụp mất tiêu ngay tức khắc, mà nó nuốt ông từ từ, có nghĩa là càng nhúc nhích thì nó càng lún. Thì ông mới chấp tay lên, ông nói là:

“Con xin đánh lễ Thế Tôn, và con xin cúng dường cái phần thân xác còn lại.”

Cho nên về sau ông trở thành vị Phật Độc Giác. Và có một truyền thuyết cho rằng vì cái đầu của ông bị vỡ, nó ép bể, cho nên về sau là cái bình bát của chư Tăng được ghép thành nhiều mảnh để mà nhớ lại cái sự tích đó. Đây cũng chỉ là truyền thuyết thôi. Chứ bình bát của chư Tăng nguyên thủy không phải là liền một khối, mà hàn lại từ nhiều mảnh, đó là truyền thuyết, tôi cũng chưa có thấy chính thức ở trong Kinh

điển. Bình bát đúc bằng inox, bằng stainless steel cho nên liền một khối, chứ ngày xưa thì có thể do vì kỹ thuật người ta không thể đúc liền khối, nên

Người ta phải ghép từ nhiều mảnh cũng có thể, nhưng mà có một truyền thuyết cho rằng cái chuyện ghép nhiều mảnh đó là do cái tích ống cúng dường cái phần xác còn lại của ống.

Thì làm gì thì làm, chúng ta phải nhận lại một điểm là: loại bỏ những chi tiết huyền thoại trong kinh điển, thì cái điều quan trọng nhất còn đọng lại ở đây, đằng sau những câu chuyện, chính là cái tấm lòng Đại Bi, Đại Từ của Thế Tôn, thương chúng sanh cho đến cái giây phút cuối cùng.

Vì đâu có biết bao nhiêu chỗ để nhập níp-bàn mà Thế Tôn lại chọn lấy một Kusinārā hẻo lánh? Là vì ba lý do toàn là vì người ta không hà. Mình là mình già, mình mệt, mình bệnh, mình sắp đi rồi mà cứ nghĩ tới người ta thôi.

Lý do thứ nhất, Ngài chọn xứ Kusinārā là vì Ngài về đó để cho ông Subhadda được gặp mặt. Đó là vị đệ tử cuối cùng, gọi là Buddhaveneyya. Đây là cái hạng đệ tử mà phải đắc Đạo với Đạo Sư, với Thế Tôn, chứ không có đắc Đạo với người khác được. Vì ông này mà Ngài phải về Kusinārā.

Thứ hai là Ngài về Kusinārā để tránh một cuộc binh biến can qua mà máu chảy thành sông, mà xương thây chất thành núi, khi mà các quốc gia lớn trong 16 quốc gia lớn ở xứ Ấn Độ lúc đó nó đánh nhau giành Xá-lợi. Khi Ngài về trong vùng hẻo lánh thì nội mà kéo quân đi là cũng mỏi mòn rồi, xa xôi quá; chứ nếu mà Ngài ở một cái vùng trung tâm hơi gần cái khoảng cách hành quân là đã đại chiến xảy ra. Cho nên khi Ngài về cái vùng mà xa xôi hẻo lánh, khuất mắt như vậy đó, thì cái chuyện hành binh xua quân đi nó hơi khó.

Rồi thêm nữa, Ngài biết ở đó sẽ có một nhân vật tên là Dona. Ông này có khả năng miệng lưỡi biện sĩ, đứng ra ngoại giao để cho không dùng đến biện pháp quân sự để giải quyết cái vụ Xá-lợi. Mà ông này có cái tên rất là lạ, ông tên là Dona. Đây là một

sự trùng hợp của lịch sử, của vạn hữu, của vũ trụ thôi, trùng hợp thôi. Dona trong Pāli là cái cân, mà ông này đứng ra giài xếp các cái phái đoàn ngoại giao tới. Ông nói ông đứng ra chia đều 8 phần Xá-lợi của Thế Tôn.

Thế là ông đứng ra chia. Chia xong ông nói: “Bây giờ mỗi quốc gia một phần. Nước nào tới trễ thì đành hốt tro, chứ còn gì đâu mà thờ. Còn riêng phần của tôi, công tôi chia, tôi xin rước cái cân làm kỷ niệm, tôi về tôi thờ cái cân.”

Cái cân đó bằng vàng. Không phải ông tham cái cân đó đâu. Cỡ ông là ông muốn 8 cái cân đó cũng có nữa. Nhưng mà cái cân đó đã từng được dùng để mà cân đều Xá-lợi.

Nhưng ông có cái một chút hơi trục trặc chỗ này. Khi chia, ông liếc thấy cái răng của Ngài đẹp quá mà gọn, ông lấy nhét vô trong búi tóc, rồi ông chia tiếp. Thì lúc đó Đức Trời Đế Thích Ngài nhìn thấy, Ngài bèn dùng thần thông Ngài tịch thu cái răng đó.

Cho nên ông chia xong xuôi là ông xin cái cân, rồi ông yên tâm là đời ông sung sướng rồi. Ai ngờ ông phát hiện ra là cái răng đã không cánh mà bay!

Thế là hôm nay chiếc răng đó là một trong bốn cái chiếc răng nhọn mà được thờ ở bốn nơi: Đao-lợi một chiếc, Sri Lanka một chiếc, ở dưới Long Cung một chiếc và ở Gandhara một chiếc. Mà Gandhara là cái răng này bây giờ siêu lạc về đâu chỉ có trời biết, đất biết. 2600 năm rồi thì không biết nó trôi về đâu xứ Gandhara. Còn ba cái răng kia, một cái thì ở Long Cung, một cái thì ở trên Đao-lợi, một cái thì ở Tích Lan.

Mà tương truyền rằng cái Phật nha mà thờ ở Tích Lan, tương truyền mà tôi tin đó là sự thật, cái răng thật là chỉ có Tăng Thống Tích Lan hoặc những cái hàng Tăng chúng mà giáo phẩm chức sắc mới biết thôi. Còn cái chiếc răng mà mình tới mình lạy mỗi ngày đó là 99% là răng giả, vì kích thước và màu sắc hoàn toàn không phải là răng người, không phải chiếc răng bình thường. Thì chúng ta hè nhau tin, bởi vì người ta sợ, bởi đó là món quốc bảo.

Thì hôm nay tôi giảng cái này có thể có nhiều vị đã từng đi Tích Lan coi, thì các vị có nhận xét khác nhau. Nhưng mà chúng tôi đọc có sử, có sách đảng hoàng. Đó là người ta cho rằng 99% cái răng mà mình thấy chỉ là mẫu, làm mẫu cho coi để hiểu cái răng ở đây là chỗ răng thờ. Bởi vì họ sợ bị mất một lần nữa. Bởi cái thời người Anh và người Bồ Đào Nha qua đô hộ Tích Lan, họ đã từng có cái ý chiếm giữ hoặc là phá hủy cái chiếc răng đó.

Nhưng mà chúng ta nhớ một chuyện nữa, đó là làm gì thì làm, trong Kinh nói không có một mảnh Xá-lợi nhỏ xíu nào của Thế Tôn mà bị thiêu hủy được hết, là vì tất cả phải được bảo toàn trọn vẹn 100% để chờ 5000 năm lịch sử Phật giáo. Lúc đó tất cả Xá-lợi đều gom lại một chỗ ở Bồ-đề Đạo tràng và trở thành một cái kim thân Phật tổ cũng có 32 hảo tướng. Và cái kim thân đó sẽ thuyết Pháp ròng rã trong 7 ngày 7 đêm.

Lúc đó nhân loại không còn khả năng nghe Pháp nữa. Cái số thính chúng lúc đó toàn là chư Thiên, Phạm thiên không. Cho nên hôm nay mà những ai mà tu thiên quán mà không đắc, thì có thể nguyện tới lúc đó. Mà lúc đó không đắc thì nguyện đến đời Phật Di-lặc. Mà đến đời Phật Di-lặc không đắc nữa thì mình phải chờ tới một a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, hoặc là mình phải đi sang một cái system of universe, một cái hệ vũ trụ khác rất là xa, rất rất là xa. Nhưng mà cái chuyện này là impossible, bởi vì có cái duyên nghiệp như thế nào mình mới đi xa như vậy!

Bởi vì ngay khi Thế Tôn còn tại thế, khi mà Ngài giảng cái Kinh Đại Hội Tuyết Sơn thì Ngài thấy Thiên chúng về đông quá đi, gọi là vô lượng vũ trụ về châu hầu để nghe Pháp. Thì Ngài mới suy nghĩ: “Đêm nay Ta sẽ thuyết cái gì đây, và sẽ thuyết kiểu gì?” Thuyết đơn...

Thuyết, hay là thuyết hình thức vấn đáp. Đơn thuyết là nói một mình.

Lúc đó, Ngài thấy rằng Thiên chúng về đông quá, mà đêm nay cái pháp hội trùng điệp này rất là thích hợp với hình thức vấn đáp. Nhưng mà ai là người có thể vấn đáp

với Như Lai đêm nay? Thì Ngài xét thấy chỉ có một vị Chánh Đẳng Chánh Giác giống như Ngài mới có thể làm chuyện đó.

Và ngay lúc đó, ngay trên đỉnh Tuyết Sơn, ngồi giữa 500 vị La-hán dòng Thích-ca, Ngài mới dùng Phật nhãn rọi quanh, và Ngài phóng cái tầm nhìn ra vô lượng vũ trụ chung quanh. Ngài không thấy có vị Phật nào hết. Điều đó không có nghĩa là không có, nhưng mà Ngài thấy xa quá đủ rồi, nghĩa là quá cái tầm của những người ở chung quanh mình có thể nhìn thấy.

Thì lúc đó Ngài mới quyết định dùng thần thông tạo ra một vị Hóa Phật tên là Nimmitabuddha, giống như robot vậy đó. Rồi bắt đầu Ngài để cho vị đó xuất hiện từ ở trên hư không, sáng lòa, từ từ bước xuống. Thiên chúng nhìn cái ánh hào quang đó cứ tưởng là mặt trời hoặc mặt trăng thứ hai xuất hiện. Nhưng mà không, khi mà vị Phật đó xuất hiện gần tới thì mọi người biết: “Ồ, có thêm một vị thứ hai giống như Thế Tôn, cũng 32 hảo tướng.”

Và lúc đó chỗ ngồi Thế Tôn lập tức rộng ra gấp đôi. Chú giải nói rất rõ: hai vị không ai chào ai hết, vì hai vị là the same. Đọc cái đó mới nổi da gà. Tức là không có vị nào chào vị nào hết. Bởi vì nếu giả định, supposing, mà có hai vị Phật gặp nhau thì không ai xá ai hết, bởi vì hai vị là the same, hai vị là hai giọt nước.

Thế là chỗ ngồi Thế Tôn lập tức tự động rộng ra gấp đôi, và vị kia cứ vậy mà ngồi lên chỗ đó. Suốt đêm đó, hai vị mới vấn đáp với nhau về 6 bài kinh để thích hợp cho 6 căn tánh của chúng sanh. Người thì nặng về tham, sân, si, tầm, tín, tuệ, tức là dục tánh, nộ tánh, độn tánh, đăng tánh, mộ tánh và ngộ tánh, tất cả là 6 tánh.

Thì cứ ai mà tâm ý nó có khuynh hướng như thế nào thì cứ nghe đúng bài kinh hợp với khẩu vị, lục phủ ngũ tạng của mình là bèn đắc. Thế là đêm hôm đó, số Thiên chúng đắc quả phải đếm bằng con số zéro là phải tính bằng hàng chục.

Lúc đó, Ác-ma Thiên tử từ ở trên cõi Tha-hóa-tự-tại, chỗ này hơi phong thần một chút, biết được chuyện này, cực kỳ tức tối, nghĩ rằng đêm nay sẽ có vô số người đắc

đạo. Cho nên Ác-ma Thiên tử kéo nguyên một binh đoàn hùng hậu xuống đập phá, la hét, tạo ra bao nhiêu hình tượng kỳ quái, chủ ý để phân tán sự tập trung tinh thần, để người ta đừng có nghe Pháp được.

Thì lúc đó, Đức Thế Tôn mọi khi thì Ngài im lặng, muốn làm gì thì làm. Nhưng bữa nay Ngài xét thấy là cái duyên lành của Thiên chúng quá đông, không thể để họ bị quấy rầy như vậy, chỉ chú nguyện một lời nho nhỏ:

“Tất cả mọi người ở đây đừng ai nghe, thấy gì về sự có mặt của Ác-ma!”

Chỉ chú nguyện một câu như vậy là nguyên cái đám nháy lừng tưng lừng tưng mà không ai thấy, la hét bể cổ mà không ai nghe. Cái đó mới lạ.

Chư Phật đặc biệt như vậy. Các Ngài bình thường hiền như vậy, nhưng khi cần phải giải quyết công việc thì Ngài cũng rất là nghiêm khắc, nhưng với kiểu nghiêm khắc của bà mẹ. Bữa nay người ta về, người ta làm sinh nhật cho thằng Tèo, mà thằng Tí nó quậy quá thì mẹ có hai cách: một là gọi nó đi chỗ khác, hai bỏ vô phòng cho nó chơi game, ba là cho nó uống thuốc ho, ngủ luôn! Chứ bây giờ nó quậy banh ta-lông, hư bữa sinh nhật của thằng Tèo làm sao! Giải quyết vấn đề bằng tấm lòng của người mẹ là như vậy đó.

Cho nên, mình tin Phật mà mình hiểu chút chút như vậy đó, mình tin nó khác một chút. Còn cái kiểu mà biết lang mang, biết mơ hồ, thì niềm tin nó cũng ít nhiều khiếm khuyết. Mà một nhân cách vĩ đại như vậy thì chắc chắn là lời dạy của con người này không có phải tầm thường.

Ngài từng tuyên bố rằng:

“Ta một đời hoằng Pháp độ sinh, Ta chỉ nói có hai chuyện thôi: Ta xác định đời này là khổ, và Ta đưa ra con đường thoát khổ. Con đường ấy Ta chỉ gợi ý thôi, còn các người phải tự mình thấp đuốc mà đi, các người phải đi bằng chính đôi chân của mình, các đấng Như Lai chỉ là người hướng dẫn.”

Và đặc biệt nhất là:

“Cái điều Ta biết nhiều như là rừng, mà điều Ta nói ra chỉ là nắm lá trong tay. Vì sao vậy? Vì những điều ấy, những điều Ta nói ra có một cái giá trị, có cái nội dung hướng tới cứu cánh mục đích giải thoát. Còn những gì ngoài ra thì Ta không có nói tới, vì không đem lại lợi ích cho ai hết. Vì một lời nói của chư Phật phải luôn luôn hội đủ bốn điều kiện: thứ nhất đúng sự thật, thứ hai hữu ích, thứ ba hợp thời và thứ tư là bằng từ tâm.”

Thì có được 4 cái này chư Phật mới nói. Điều mà các Ngài có thể nói được mà hội đủ 4 cái này thì chỉ là nắm lá trong tay. Còn mấy điều kia, đúng sự thật thì có đúng, muốn nói đúng thời thì cũng được, nhưng mà vì từ tâm, Ngài thấy rằng nó không có lợi ích thì nói làm chi, mất thời gian của Ngài mà cũng của người ta.

Thân người thì hữu hạn, mà cái mạng người thì cũng ngắn ngủi, nên tập chú thời gian để nghe cái đáng nghe, thực hiện chuyện đáng thực hiện, chứ chúng ta không có quờn để mà nghe chuyện tào lao, làm chuyện tào lao, suy nghĩ chuyện tào lao!

Theo mô tả trong kinh, thời gian của kiếp người nó quý hiếm giống như hơi thở của người lặn nước. Khi mà mò một món đồ dưới nước là mình phải tận dụng lúc mình còn hơi để mình mò cho nó lẹ.

Trước khi nó hết hơi. Còn khi nào mình đi kiếm một món đồ ở trên cạn thì mình vừa kiếm, mình vừa hút gió, vừa hát cái lương, vừa kiếm mà tay mò ở đây mà mắt ngó đằng kia, được hái hoa, huýt gió, huýt sáo được. Nhưng nếu mà đi tìm một món đồ hoặc đi làm một công việc dưới nước thì không. Mình phải tận dụng thời gian ngắn ngủi ở dưới nước trước khi hết hơi để mà làm cho xong việc.

Cũng vậy, thân người, mạng người là nó ngắn ngủi, hiếm hoi, nhỏ bé và đầy bất trắc, bất toàn, cho nên phải tận dụng cái khoảng thời gian ngắn ngủi đó, tận dụng cái lúc mà sức khỏe hiếm hoi còn lại được, trong lúc nó còn đang leo lét, làm được cái gì được thì làm.

Hiếu Phật như vậy, tin Phật như vậy, mới được gọi là Chánh tín. Nên nhớ, Phật trí hay là Báo thân của Phật cũng là do các duyên mà có, mà đã có do duyên thì cũng phải do duyên mà mất. Cho nên, mình không nghĩ về Đức Phật như là nghĩ một cái đáng chí tôn vô thượng sáng tạo muôn loài, ban phúc tha tội, mà chỉ cần mình nhớ rằng Ngài là bậc Đại trí cái gì cũng biết, bậc Đại bi ai Ngài cũng thương, và đức lành nào Ngài cũng có. Nhớ ba cái đó: Bi đức, Trí đức và Tịnh đức.

Thờ Phật, mỗi lần thắp hương, giả dụ như mình không có thắp hương, mình chưng hoa thì mình cứ nhớ rằng: Thế Tôn là một đóa hoa quý, muôn vạn ức triệu tỷ kiếp mới có một lần. Cái mùi hương của hoa này là giống như chư Phật, chư Phật nhìn thì đẹp mà có mùi hương, và cũng là một cái con thuyền để giúp người vượt qua sinh tử.

Khi cúng hương là nhớ như vậy: Đức Phật là đóa hoa quý, có sắc, có hương, có lợi ích cho đời, không phải chỉ để nhìn ngắm suông. Khi thắp ba cây hương cho Phật, nhớ rằng Thế Tôn có Giới hương, Định hương, Huệ hương, nhớ như vậy.

Mà mỗi lần lạy Phật cũng phải nhớ rằng: nhờ Thế Tôn mà con mới có cái ánh sáng để mà sống ở đời, để mà đi tiếp cái quãng đường trầm luân còn lại. Lạy Phật là phải lạy như vậy, chứ còn hì hục mà lạy cầu cho gia đạo bình yên, tình duyên như ý, là chết rồi nha. Thờ như vậy thôi mình thờ mấy ông Địa, ông Tà, ông Táo nó sướng hơn.

Cho nên Phật dạy, thương ai, quý ai thì nên giúp người ta có được cái niềm tin trong Phật, trong Pháp, trong Tăng. Không phải tin suông để cầu phúc, không phải giúp người ta tin suông để cầu phúc, mà phải giúp cho người ta tin như thế nào để người ta qua đó tìm ra được cái con đường hành trì để hướng tới cứu cánh giải thoát.

Ngày nào chưa biết đạo, không phân biệt việc thiện ác, muốn làm gì thì làm. Biết đạo ba mớ rồi, ta lánh ác hành thiện để được vui không khổ. Biết thêm một bước nữa, ta tiếp tục lánh ác hành thiện không phải để trốn khổ tìm vui, mà là để chấm dứt toàn bộ thiện ác buồn vui, không còn sanh tử siêu đọa trong ba cõi sáu đường nữa. Hiếu được như vậy được gọi là niềm tin chính chắn nơi Phật Pháp. Chỉ với niềm tin này thì

người ta mới gieo duyên cho cái trí tuệ về Bốn Đế được. Mai này thành Thánh là cũng bằng vào cái trí tuệ Bốn Đế:

1. Mọi hiện hữu ở đời là khổ.
2. Thích ghét cái gì cũng là thích ghét trong khổ.
3. Không muốn khổ nữa thì đừng có thích trong khổ nữa.
4. Khi nào sống liên tục, thường trực bằng ba nhận thức trên đây thì lúc đó ta đang có mặt trên con đường thoát khổ.

Sau khi giảng xong về cái niềm tin nơi Tam Bảo, thì Đức Phật mới nói với Ngài Anan:

“Anan có biết không, đối với một vị Tu-đà-hườn, niềm tin của họ đối với Tam Bảo là bất thoái, không dời đổi.”

Ngài kêu gọi cái niềm tin nơi Tam Bảo xong rồi Ngài mới đưa ra một cái minh chứng. Ngài nói, một cái người mà hiểu rõ Bốn Đế là gì, mười hai duyên khởi là gì, thì người đó mới có được cái niềm tin sắt son không dời đổi. Ngài kêu trú niềm tin nơi Tam Bảo xong rồi Ngài mới nói rằng chỉ có cái người nào mà hiểu được Bốn Đế, mười hai duyên khởi thì cái người đó mới có được cái niềm tin sắt son.

Giống như Ngài nói: nhớ phải giữ sức khỏe nha để sống lâu. Ngài nói cái đó chưa có đủ, Ngài phải nói thêm, làm gì để có sức khỏe. Thì ở đây cũng vậy, Ngài nói thương ai thì giúp cho họ có niềm tin nơi Tam Bảo. Nhưng mà nói vậy xong rồi Ngài phải nói thêm chứ, nói vậy hơi thiếu. Cho nên Ngài mới nói thêm, Ngài nói rằng chỉ có người nào mà giống như Tu-đà-hườn như vậy đó, thì niềm tin mới sắt son.

Giống như Tu-đà-hườn là sao? Là hiểu được Bốn Đế và mười hai duyên khởi, hiểu được cái lý nhân quả, hiểu được cái lý Tam tướng thì cái niềm tin nơi Tam Bảo mới

sắt son được. Còn nếu mà chỉ tin suông thì niềm tin ấy sáng có, chiều mất, chiều có, sáng mai mất.

Thì Ngài dạy rằng:

“Này các Tỳ-kheo, dầu cho thiên địa càn khôn có thay đổi, trời đất có sập xuống thành bụi, bốn đại có thay đổi cỡ nào đi nữa, đất, nước, lửa, gió, thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt cỡ nào, dầu trái đất này có vỡ tan ra, vị Tu-đà-hườn cũng trước sau như một, nghĩ về Tam Bảo bằng một cái niềm tin như vậy không thay đổi.”

Vì sao vậy? Là vì họ đã hiểu Phật rồi mới tin. Còn chúng ta tin rồi mà chưa kịp hiểu. Chúng ta tin Phật, chúng ta không thể tin theo kiểu của Chúa: “Phúc thay cho kẻ nào chưa thấy đã tin.” Còn bên Phật Pháp mình: “Phúc thay cho kẻ nào đã tin rồi mà vẫn tiếp tục tìm hiểu.” Đó là bên Phật, bên chùa nói như vậy. Còn bên Chúa: “Phúc thay cho kẻ nào chưa thấy đã tin.” Nó hơi khác, bên Chúa, bên chùa khác nhau cái dấu sắc, dấu huyền mà khác nhau vời vợi.

Cái bài kinh này nó sâu kinh hoàng lắm, nhưng mà cứ liếc mắt vào Chánh Kinh thì cái hiểu của các vị có vấn đề, hiểu nghèo, hiểu nhà nghèo, hiểu kiểu cơm nguội.

Kinh Hiện Hữu

Nội dung của bài kinh này là giảng về Mười Hai Duyên Khởi. Ngài Anan hỏi:

“Bạch Thế Tôn, con nghe nói hữu, hữu, nhưng mà hữu là cái gì? Bhava, bhava là cái gì?”

Thì Đức Phật Ngài mới trả lời:

“Này Anan, nghiệp là thừa ruộng, thức là hột giống, ái là phù sa, là sự màu mỡ nhuận ướm. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái dục trói buộc nên thức được an lập trong giới thấp kém, như vậy trong tương lai có sự tái sanh.”

Tôi nói cái kinh này là nói về giáo lý Duyên Khởi. Chính vì do không có hiểu biết Bốn Đế là gì, không biết được rằng mọi hiện hữu là khổ, dầu ở cõi trời hay địa ngục, nhân loại hay là thần tiên, tất thảy đều khổ, cho nên chúng sanh mới chia làm hai phe:

Một, phe trốn khổ tìm vui bằng các nghiệp ác.

Hai, phe trốn khổ tìm vui bằng các nghiệp lành.

Mà do nghiệp ác nó bị đọa, đọa hết cái đọa thì nó lại trồi lên do cái phước cũ tiền kiếp xa xôi nào đó nó trồi lên. Còn cái đám mà trốn khổ tìm vui bằng cách hành thiện thì nó lên cõi trời, nó ở cho đã, xong nó hết tuổi thọ, nó rớt cái đùng, cũng trở về cái cõi thấp nhất. Nó đi theo tiếng gọi của tiền nghiệp quá khứ. Cứ như vậy mà cà vòng, cà vòng.

Cho nên ở đây mới nói, do vô minh trong Bốn Đế mới tạo ra hai hành, tức là hành thiện và hành ác. Do có hành thiện và hành ác, tức là do có nghiệp ác và nghiệp thiện, nó mới có các cái tâm đầu thai đi vào các cõi. Tùy vào cái việc ta sanh vào cõi nào mà ta có đủ sáu căn hay không; có đủ sáu căn mới có đủ sáu xúc, sáu thọ và sáu ái. Còn có những cái cõi như cõi Phạm thiên thì người ta không có đủ sáu căn. Cõi Phạm thiên vô sắc chỉ có một cái ý căn thôi. Còn cõi Phạm thiên sắc giới mà ngũ uẩn thì người ta có ba căn thôi: nhãn căn, nhĩ căn và ý căn.

Mà hễ có bao nhiêu căn thì có bấy nhiêu xúc. Xúc là gì? Xúc là cái sự gặp mặt giữa căn, cảnh và thức. Căn tức là giác quan, còn cảnh tức là trần, còn thức là cái tâm mà nó dựa vào căn để nó biết được cái trần. Như vậy là căn, cảnh, thức; thì cái sự hợp mặt của ba cái thứ này được gọi là xúc.

Tùy thuộc vào duyên nghiệp thiện ác mà chúng ta sanh vào cảnh giới nào, có đủ sáu căn hay không. Cái sự thiếu đủ này là tạm thời thôi, kiếp này không có đủ mà kiếp sau nó đủ, chứ không phải nói như vậy rồi khứ khứ vĩnh viễn thiên thu, miên viễn bất tuyệt là như vậy. Không phải!

Rồi thì do chúng ta có được bao nhiêu căn thì có được bấy nhiêu xúc, bấy nhiêu thọ và bấy nhiêu ái. Thí dụ như bây giờ mình ở cõi dục, mình có đủ sáu căn. Do cái nghiệp tham ái dục giới, mình có đủ sáu căn, có nghĩa là có mắt, tai, mũi, lưỡi v.v. Thì có sáu căn nó mới bèn ra cái sáu thọ. Là sao? Sáu xúc là sự gặp nhau của sáu căn, sáu cảnh, sáu thức; còn sáu thọ là cái cảm giác có được khi mà sáu căn biết sáu trần. Do có cái sáu căn nó mới có sáu xúc rồi có sáu thọ, sáu thứ cảm giác.

Nói theo A-tỳ-đàm thì năm căn đầu chỉ có thọ xả thôi, nhưng mà ở đây tôi nói cả sáu luôn. Có nghĩa là năm căn đầu là thọ xả đúng rồi: thọ xả, thọ khổ và thọ lạc. Năm căn đầu chỉ có ba thọ, nhưng mà cái căn thứ sáu nó gồm cả luôn cái thọ ưu, thọ hỷ và thọ xả. Tổng cộng như vậy thì sáu căn nó có đủ năm thọ. Nói gọn thì do có sáu căn nó mới có sáu thọ, rồi từ đó nó lòi ra cái sáu ái. Có nghĩa là do cái nghiệp tham ái trong năm dục đời trước, cho nên đời này là ta có đủ sáu căn. Còn sáu căn ấy nó biết được sáu trần như ý hay bất toại là còn tùy thuộc vào cái phước riêng của mỗi người.

Tôi nhắc lại, do không biết rõ Bốn Đế là gì nên người ta mới tạo các nghiệp thiện ác. Do tạo các nghiệp thiện ác cho nên người ta tái sanh cõi này, cõi kia. Rồi từ cái việc mà tái sanh cõi này cõi kia, dựa trên nền tảng của sáu căn, người ta tiếp tục tạo ra các nghiệp thiện ác khác. Thì các cái nghiệp thiện ác khác đó nó có cái tên gọi là nghiệp hữu. Đây chính là nội dung bài kinh mà ta đang học đây.

Đức Phật Ngài dạy rằng, tùy thuộc vào cái trình độ và công đức của chúng sinh, mình có tham ái mà lại có trình độ, mình biết tu thiền thì mình sanh về cõi cao. Còn có tham ái mà không có trình độ tâm linh thì chết sẽ sanh về các cõi thấp.

Thí dụ như cõi dục giới, có nghĩa là mình không có khả năng ly dục, không có khả năng chán sợ vật chất, còn đam mê trong vật chất, nhưng cũng còn biết tạo phước lai rai: bố thí, trì giới, phục vụ, cung kính, nghe pháp, v.v. thì cũng được trở về cõi dục ở trong các cõi nhân thiên, con người và các cõi thiên mà hưởng dục.

Còn những ai đam mê trong năm dục mà không biết tu tạo công đức thì cũng trở lại cõi dục giới, nhưng mà lựa cái chỗ nào xấu nhất, tối nhất, dơ nhất, bầy hầy bê bối, đau khổ nhất chui vô. Có nghĩa là chúng ta còn đam mê thì chúng ta còn có tâm đầu thai. Còn có đam mê là dứt khoát phải có tâm đầu thai, đầu thai vào cái cảnh giới tương ứng với niềm đam mê ấy.

Cho nên Ngài mới nói ái nó chính là cái sự nhuận ướt, là cái chất phù sa, cái sự màu mỡ của mỗi mảnh đất. Là chính vì ái nó mới đưa mình vào cái sự tái sanh. Và khi có cái thân rồi là chúng ta tiếp tục tạo ra nghiệp mới bằng cách là hễ gặp cái gì mình thích thì mình bèn có tâm tham, mà hễ gặp cái gì mình ghét là mình bèn có tâm sân. Đó là chuyện một.

Chuyện hai, cả đời của chúng sanh, gặp cái mình thích thì mình tham, mà không gặp nó thì mình đi kiếm nó. Có được nó rồi thì mình tìm đủ mọi cách để mà bảo trì, bảo quản. Mà cái hành trình đi kiếm tìm là chúng ta đã tạo bao nhiêu là ác nghiệp rồi. Rồi cái hành trình hưởng thụ là cũng tạo ra bao nhiêu...

Ác nghiệp, rồi cái hành trình mà bảo quản cái mình có là mình tạo ra bao nhiêu cái ác nghiệp. Đó là nói về cái mình thích.

Còn cái mình ghét, bản thân cái ghét trong 6 trần, nó đã là một cái tội lỗi. Rồi tìm cách trốn chạy nó thì ngay trong lúc mà trốn chạy nó, việc ác gì mình cũng làm hết.

Trốn chạy cái gì? Trốn chạy cái nghèo. Vì trốn cái nghèo, chuyện gì cũng làm. Để trốn chạy cái bệnh, chuyện gì mình cũng làm. Để trốn chạy tai tiếng, để trốn chạy pháp luật, để trốn chạy ngay cả cái xấu, chuyện gì mình cũng làm.

Có nhiều người là buôn gian bán lận, lừa đảo, lật lọng, lươn lẹo chỉ để có tiền sang bên Đại Hàn sửa cái mặt cho coi được một chút. Chỉ để trốn cái xấu, chuyện gì cũng làm hết. Để trốn cái bệnh, tiền ở đâu? Thế là cũng phải làm đủ chuyện để có tiền chữa bệnh. Để trốn cái nghèo thì chuyện gì cũng làm để có tiền giàu sang, né được cái nghèo.

Có nghĩa là trốn cái mình ghét thì chuyện ác nào cũng làm. Để tìm được cái mình thích thì chuyện gì mình cũng làm. Cho nên khi mà có cái đầu thai rồi thì là phải có 6 căn. Hễ có 6 căn thì vì cái nhu cầu đòi hỏi của 6 căn mà chúng ta có hai kiểu hành động: đối với cái thích và đối với cái ghét.

Mà trong cái thích, chúng ta cũng vì nó mà tạo ra biết bao nhiêu là ác nghiệp và thiện nghiệp. Mà trong cái mình ghét, mình cũng vì nó mà mình tạo ra biết bao nhiêu ác nghiệp và thiện nghiệp.

Người có trí thì trốn cái khổ bằng cách làm lành, còn người xấu, thiếu trí thì trốn cái khổ bằng cách làm ác. Người có trí đi tìm cái niềm vui bằng cái điều lành, không có trí tìm cái niềm vui bằng cái điều ác. Mà dầu lành hay là ác thì nó cũng đưa vào cái chuyện sanh tử ở 3 cõi 6 đường!

Rồi do tôi tạo nghiệp thiện ác, tôi mới bắt đầu trở lại cái vòng lẩn quẩn nữa. Có nghĩa là vì có cái đó tôi mới đi đầu thai qua kiếp khác. Rồi qua kiếp khác tôi tiếp tục cái con đường cũ của lối mòn xưa mà tôi đi y chang như vậy.

Có nghĩa là do cái khuynh hướng tâm lý thiện ác mà chúng ta tạo thiện ác giống khác nhau, rồi sanh vào các cõi. Ở các cõi ấy, trước cái trần cảnh mà mình thấy thích hay là mình ghét, mình lại có phản ứng. Cái phản ứng đó nó có cái tên gọi là nghiệp thiện và nghiệp ác.

Và với cái phản ứng này thì chúng ta có nghiệp thiện ác. Và với nghiệp thiện ác, chúng ta lại tiếp tục đi đầu thai qua kiếp khác. Ở kiếp đó, ở cái cõi đó, chúng ta lại tiếp tục thích và ghét. Và để giải quyết cái thích và ghét ấy, chúng ta lại tiếp tục tạo ra những nghiệp mới.

Mà cứ như vậy, vì cái thích và ghét, vì cái trốn chạy và theo đuổi, trốn chạy cái này và theo đuổi cái kia, chúng ta liên tục và liên tục không ngừng trong cái hành trình kiếm tìm và trốn chạy. Chúng ta không ngừng làm ra bao nhiêu là ác nghiệp và thiện nghiệp!

Cho nên hồi nãy tôi nói rồi, ngày nào chưa biết Đạo, thiện ác bất phân, cái gì mình cũng làm miễn là vừa ý. Đi cái bước thứ hai trong Phật Pháp, chúng ta không còn đi theo cái ác nữa, mà hành thiện.

Mà cái hành thiện ở bước một là gì? Là để trốn khổ tìm vui. Làm thiện để đời sau sanh ra đừng có bị khổ, đừng bị nghèo, đừng bị bệnh, đừng bị xấu nữa. Cái đó là hành thiện cấp một, bậc một.

Còn hành thiện bậc hai, bậc cao là sao? Cũng lánh ác hành thiện, nhưng với lý tưởng là giải thoát, mai mốt không còn thiện ác nữa, mai mốt không còn siêu đọa nữa, chấm dứt sanh tử, dứt điểm luân hồi!

Thì đây là nội dung của bài Kinh Hiện Hữu. Ngài dạy rằng: nếu không có hành động và sự chín muồi của Vô sắc giới thì Vô sắc hữu có thể trình bày được không? Ngài Anan nói không.

Thì Ngài mới nói là: Tùy thuộc vào cái khuynh hướng tâm lý của mình, hễ mà mình có cái khuynh hướng tâm lý nghiêng về 5 dục thì mình tạo các nghiệp thiện ác tương ứng với cái tham dục ấy để rồi ta quay lại cảnh dục. Rồi do cái trình độ tâm thức của mình mà ta ly dục và ta tu tập thiền Sắc giới bằng cái niềm đam mê ở trong thiền Sắc giới. Với niềm đam mê ấy, ta đã lặn lội tạo ra cái tâm đầu thai để về cõi Sắc giới.

Rồi có một số người trình độ cao hơn, họ nhàm chán cái tầm thường của thiền Sắc giới, họ hướng tới cái tầng thiền Vô sắc, chỉ có tâm mà không có xác. Thì lúc đó họ mới tu cái thiền Vô sắc. Nhưng mà hết tuổi thọ rồi thì họ bèn trở xuống cái cõi thấp nhất như cũ!

Cứ như vậy mà cái vòng luân hồi mình nó cứ lập đi lập lại, lập đi lập lại. Chữ saṃsāra có nghĩa là sự trùng phục, là sự tái hiện, tái bản. Còn chữ vaṭṭa là cái vòng tròn. Vaṭṭa-saṃsāra là cái sự trở lui liên tục trong một cái vòng tròn khép kín, không có điểm khởi đầu và cũng không có chỗ kết thúc. Cứ đi vòng vòng như vậy.

Do thích 5 trần: sắc, thanh, khí, vị, xúc, nên tôi làm các việc thiện ác. Từ cái chỗ làm các nghiệp thiện ác, tôi mới quay lại cõi dục để chịu khổ và hưởng vui. Và nếu trong cái lần đó mà tôi có gặp minh sư thiện hữu thì tôi lại có điều kiện tu thiện để quay lại cõi vui. Còn nếu mà tôi quay lại mà không gặp minh sư thiện hữu thì bắt đầu tôi cảm đầu ở trong tội ác là coi như tôi đi xuống.

Mà nó có một cái chuyện đáng lưu ý là: một lần xuống mà muốn trở lên, nó khó vô cùng. Mà một lần lên mà muốn quay trở xuống thì nó dễ ẹc, nó dễ vô cùng.

Nó khổ như vậy là vì sao? Là vì ít nhất là hai lý do:

1. Khuynh hướng bất thiện nhiều đời của ta thường mạnh hơn khuynh hướng thiện.
2. Chính vì điều thứ nhất nó mới dẫn tới điều thứ hai, chính vì cái khuynh...

Hướng bất thiện ở mỗi người nó mạnh, cho nên cái số người thiện nó ít. Mà chính vì người thiện ít, cho nên chúng ta bói ở đâu mà cho ra cái minh sư thiện hữu? Bởi vì ai cũng ác hết trơn. Phần lớn là người ác, người xấu.

Ngay cả những người mà được xã hội nhìn nhận là người lành, người thiện, nếu mình ở gần họ mà mình phân tích cho tới nơi thì ai cũng ác nhiều hơn thiện hết. Giáo sư, Phật tử khả kính, ở ngoài đời là trí thức, là người có mặt mũi, danh dự, có nhân phẩm, có tự trọng; trong Phật pháp ổng là một cư sĩ thuần cố, tín tâm, nghiên cứu Phật học sâu dày. Nhưng có một điều, khi ở gần ổng mình mới biết cái ngã của ổng to đùng. Rồi làm sao? Cái ngã mạn của ổng nó to đùng. Hoặc là ổng là người bòn xén, hoặc ổng là người có cái tánh ganh tị rất là nặng, thí dụ như vậy.

May đó là một người Phật tử xịn loại 18 ca ra, dĩ nhiên 24 không có rồi. Vậy đó mà ở gần ổng, ổng chỉ cần trao cho mình vài ba cái tật xấu là coi như chết. Những người không biết đạo là mình thấy đầy dẫy ở ngoài đường.

Trong cái vòng luân hồi, mình gặp cái người mà trao cho mình những cái hướng dẫn nó rất là khó. Cho nên phải cẩn thận, cái minh sư thiện hữu nó khó gặp lắm!

Kinh Tư và Khởi Điểm

Tư ở đây là gì? Tư ở đây là cetanā, có nghĩa là chủ ý hay là dụng ý. Có người thích dịch là Tư.

Có người Phật tử Việt Nam cứ lộn hoai. Sẵn tôi nói luôn, họ cứ lộn cái chữ manasikāra là tác ý, rồi họ lộn với cái Tư là cetanā. Thí dụ như họ nói: “Không có sao đâu, do mình tác ý.” Thật ra cái tác ý đó nó không có phải thế cho cetanā, trừ phi đó là do cái yonisomanasikāra.

Mà nó xui một chỗ đó là mình thấy cái chữ manasikāra, mình tưởng nó là tâm sở tác ý. Chứ không phải. Nó phải thêm cái chữ yoniso đằng trước nữa. Yonisomanasikāra là trí tuệ, cái sự khéo suy tư, suy tư hợp lý. Chứ đừng có thấy cái chữ manasikāra tưởng nó là cái tâm sở kia.

Thì nội dung cái bài Kinh Tư và Khởi Điểm cũng y chang như vậy. Có nghĩa là sao? Tùy vào cái dụng ý, cái chủ ý của ta trong mỗi mỗi suy nghĩ, mỗi mỗi lời nói, mỗi mỗi hành động mà nó đưa ta xô dạt về phương trời nào trong cái cõi trầm luân ba nẻo sáu đường.

Cũng đi chùa làm phước, cũng bố thí, nghe Pháp, giữ Giới, mà kẻ thì cầu quả nhân thiên, người thì cầu cái sự giải thoát. Rồi cũng rộng tay hào sảng bố thí, mà kẻ thì cầu danh, háo danh; kẻ thì qua đó cầu lợi, trục lợi. Rồi có kẻ bố thí là để cầu quả nhân thiên. Có kẻ bố thí chỉ đơn giản là vì cái lòng Từ đối với người khác. Có kẻ bố thí để mà vun bồi Ba-la-mật, mai này chấm dứt sanh tử. Nhiều lắm, chữ tu kia cũng đường ba bảy đường mà.

Cho nên cái chủ ý, cái dụng ý nó rất là quan trọng. Thì tùy vào cái chủ ý, dụng ý thiện hay là ác, thấp hay là cao, sâu hay là cạn, rộng hay là hẹp, mà chúng ta tự chọn cho mình một con đường để đi.

Do vô minh trong Bốn Đế nên chúng sanh tùy trình độ mà có cái chủ ý khác nhau. Cái chủ ý đó trong tiếng Pāli gọi là cetanā. Do vô minh trong thiện ác, do cái trình độ của mỗi người, do cái duyên nghiệp của mỗi người không giống nhau; nhưng đặc biệt là do sự thúc đẩy của vô minh trong Bốn Đế nên chúng sanh có kiểu thiện ác không giống nhau.

Mà thiện ác đó ở đây là gì? Thiện ác, nói mà cho rõ ràng, nó chính là cái chủ ý, tức là Tư. Cái Tư thiện hay là Tư ác, cái cetanā, tức là cũng làm cái việc đó mà làm bằng cái tâm tư như thế nào.

Thì dĩ nhiên mình phải hiểu thêm là đừng có lợi dụng cái câu nói là tùy vào chủ ý, rồi chúng ta đi câu cá mà chúng ta nói là: “Tôi đi câu cá là vì cái chủ ý thiện.” Cái chuyện đó không có.

Không phải là cái thân nghiệp, khẩu nghiệp nào mà mình cũng móc cái vụ chủ ý ra. Bởi vì nếu một người có tâm lành thì làm sao mà họ đi câu cá được! Mà một khi đã đi câu cá thì chúng ta không có một lời giải thích, biện minh nào mà nghe cho nó được hết trơn đó.

Cho nên khi mình nghe người ta nói là tùy vào chủ ý thì mình phải hiểu. Chứ còn mình đừng có lạm dụng cái câu này rồi đi câu cá, đi đánh bài, lừa đảo, lật lọng, rồi mình nói: “Không, tôi có cái chủ ý tốt, tôi có dụng ý tốt. Tôi đánh bài gian bạc lận để có tiền đi làm phước, giúp mấy người nghèo.”

Thì tôi nhớ có cái ông đó, ông về nước, ông 80 tuổi rồi, ông lấy cô vợ có 30 tuổi hà. Điều tra ra thì không phải yêu thương gì hết đó, mà gia đình bên cái cô đó trả ông 30 ngàn để ông làm giấy tờ giả. Thì ông trả lời thế này: “Tôi lấy 30 ngàn tôi làm cái gì? Tôi lấy 30 ngàn đó tôi giúp cho trẻ mồ côi. Mà khi nhận số tiền đó tôi nhớ tôi cũng trẻ mồ côi, nên tôi giữ tôi xài luôn.”

Có nghĩa là ông nói nghe cũng hay đó. Khi mà ông nhận số tiền đó rồi, ông bắt đầu ông mới nhớ lại: “Ủa, mình cũng trẻ mồ côi mà ta. Có điều là mình già mồ côi chứ

không phải trẻ mồ côi. Nhưng đã là mồ côi là được rồi. Thôi mình giữ lại mình ủng hộ cho cái thằng mồ côi này.”

Rồi vài năm sau ông về bến, ông tiếp tục muốn hành thiện nữa, cũng đi lấy 30 ngàn để ông về giúp cho trẻ mồ côi. Năm nào ông cũng mồ côi hết trơn. 80 mà sao không mồ côi.

Cho nên, cái vấn đề là tùy vào dụng ý của mình, rồi cộng với trình độ nhận thức, cộng với tiền nghiệp, cộng với bao nhiêu thứ nhân duyên và điều kiện khác, nó đẩy đến việc ta hành thiện hay làm ác. Và khi đã hành thiện, làm ác thì dứt khoát ta phải có chỗ đi về. Và ở chốn về ấy, ta tiếp tục tạo thêm các nghiệp mới. Tạo bằng cách nào? Tạo nghiệp mới là bằng cách chúng...

Ta giải quyết cái thích và cái ghét của mình. Tôi thích tiền, tôi làm sao không biết cho ra tiền. Tôi háo sắc thì tôi phải giải quyết cái háo sắc đó bằng nhiều cách. Tôi thích đi săn bắn, tôi thích đi câu cá, tôi thích giải trí, tôi thích tiêu khiển. Mà trên đời nó có một tỷ cái trò tiêu khiển, mà tôi chọn mấy cái trò hại người tôi mới thích; cái trò nào mà nó có máu me, nó có giết chóc, tôi mới thích.

Có người thì họ giải trí bằng cách là họ vào thư viện đọc sách, họ đi du lịch, họ đi hiking, rồi đạp xe, rồi trượt tuyết. Còn có người thì họ giải trí bằng cách là đánh bài, nhậu nhẹt, truy lạc, v.v. Có người họ giải trí bằng cách là chọn những trò chơi mạo hiểm, giải trí một hồi mất trí luôn, giải rết không còn trí để giải nữa.

Thì tùy vào nhiều thứ lắm. Bởi thế giới này là thế giới của nhân duyên, cho nên là tùy vào vô số nhân duyên mà ta giải quyết cái thích, cái ghét của mình theo cái hướng nào. Đó chính là cái nội dung của Kinh Tư và Khởi Điểm.

Kinh Hầu Hạ và Giúp Đỡ

Trong một Pháp hội có chư Tăng, có Ngài Anan, thì Phật đã hỏi riêng Ngài Anan:

“Này Anan, có phải kiểu tu hành nào cũng đem lại kết quả tốt hay không?”

Thì Ngài Anan nói:

“Bạch Thế Tôn, cái câu hỏi này phải được trả lời bằng cách phân tích. Con không thể nói gọn là có hay là không, mà phải cho con phân tích.”

Thì Đức Phật Ngài nói:

“Thì cứ phân tích đi.”

Ngài Anan nói:

“Dạ, cái kiểu tu hành nào mà nó giúp cho cái ác pháp tăng trưởng, mà cái thiện pháp bị suy giảm, thì cái kiểu tu hành này có tu bao lâu nó cũng không đem lại kết quả như ý. Còn cái kiểu tu hành nào mà nó giúp cho cái ác pháp giảm, mà cái thiện pháp tăng trưởng, thì kiểu tu hành đó mới xài được.”

Ngài nói vắn tắt như vậy và Thế Tôn đã đồng ý. Rồi Ngài mới đánh lễ Bạc Đạo Sư và Ngài rời khỏi Pháp hội đó. Khi Ngài Anan vừa đi khuất, thì Đức Phật Ngài dạy cho chư Tăng rằng:

“Này các Tỳ-kheo, Anan ngay bây giờ vẫn chưa là La-hán, nhưng mà tìm ra một người mà có trí tuệ giống như Anan không phải là chuyện dễ!”

Đó là một chỗ ở trong Chánh Kinh.

Điều thứ hai là trong Chú giải của bài Kinh Đại Duyên trong Trường Bộ Kinh, bộ Chú giải đó có tên là Sumangala-Vilasini, trong đó có nói rõ thế này.

Một ngày kia, Ngài Anan sau khi mà dùng cơm trưa xong, thì Ngài tìm một chỗ vắng, Ngài ngồi nhập định. Ngài Anan không có thần thông, nhưng Ngài nhập định bằng cách là Ngài nhập Quả định. Có nghĩa là khi nào Ngài cần nghỉ ngơi mà triệt để, Ngài ngồi yên lại, Ngài quán cái hơi thở hoặc là quán tâm trong vòng ba seconds.

Thí dụ như Ngài niệm hơi thở: ra biết ra, vào biết vào. Ngài thấy hơi thở trước vô thường, không phải là hơi thở sau; tâm trước không phải là tâm sau. Chỉ cần ghi nhận như vậy là lập tức Ngài không còn sống trong cái tâm phàm nữa, mà Ngài chìm sâu vào cái tâm Sơ Quả mà Ngài đã đắc.

Thời gian mà chìm sâu ấy dài hay ngắn là tùy Ngài. Ngài chú nguyện trước. Ngài nói: “Một tiếng rười nha, đi vào chuẩn bị nước cho Thế Tôn tắm.” Hoặc là: “Bữa nay Thế Tôn không có cần tắm, thì hai tiếng rười nữa vào dâng nước cho Thế Tôn.”

Ngài chỉ chú nguyện như vậy thôi. Ngài là thị giả mà. Ngài chú nguyện hai tiếng rười là bắt đầu Ngài chìm sâu vào ở trong đó, trong cái tâm Thánh Sơ Quả, trong suốt thời gian một tiếng rười, hai tiếng rười.

Thì cái bữa đó Ngài cũng nghỉ trưa bằng cách đó. Xong rồi Ngài xả thiền ra, Ngài ngồi Ngài suy nghĩ về Giáo lý Duyên Khởi, hai chiều thuận nghịch.

Do vô minh trong Bốn Đế nên chúng sanh tạo hai hành thiện ác. Do tạo hai hành thiện ác nên chúng sanh mới có tâm đầu thai về các cõi. Do đầu thai về các cõi nên chúng sanh mới có sáu căn. Do sáu căn mới có sáu xúc, sáu thọ, sáu ái. Mà do có sáu ái nên mới có các cái nghiệp thiện ác, rồi từ đó mới có cái chuyện tái sanh. Cứ lòng vòng, lòng vòng như vậy.

Muốn hết tái sanh thì phải chấm dứt vô minh, phải hết vô minh trong Bốn Đế. Hết vô minh trong Bốn Đế thì không còn tạo các nghiệp thiện ác. Không còn tạo các nghiệp thiện ác thì không còn tâm đầu thai. Không còn tâm đầu thai thì làm gì có sáu căn. Mà không có sáu căn thì lấy gì mà tạo các nghiệp thiện ác!

Ngài quán ngược, quán xuôi như vậy. Xong rồi Ngài mới suy nghĩ: “Nhiều lần và rất nhiều lần Thế Tôn nói rằng Giáo lý Duyên Khởi này sâu sắc, nhưng mà mình suy nghĩ mình thấy đâu có gì đâu ta, thấy cũng dễ hiểu mà!”

Ngài nghĩ như vậy xong, Ngài vào Ngài lạy Phật, Ngài mới kể lại suy nghĩ đó. Ngài nói:

“Bữa nay con nghỉ trưa xong, rồi con có cái suy nghĩ là cái Giáo lý Duyên Khởi này thấy cũng dễ hiểu, xem bộ cũng không có gì ghê gớm!”

Trong Chú giải mới nói thế này: không phải là Ngài nói sai, nhưng cũng không phải là đúng lắm.

Thứ nhất, nếu không có cái sự mà gợi ý của Đức Phật thì Ngài có thể tự Ngài ngồi Ngài truy ra như vậy không? Có khả năng không? Nếu mà tự Ngài có khả năng truy như vậy thì giá chót Ngài phải là Độc Giác! Có nghĩa là thời gian tu ba-la-mật phải gấp đôi Ngài Xá-lợi-phất, phải double cái thời gian đó mới ngồi mà tự mình nghiệm! Đó là chuyện thứ nhất.

Chuyện thứ hai, cái chuyện này quan trọng. Cái Giáo lý Duyên Khởi mà tôi vừa đọc như con kết đó, là mới có cái mặt nổi, nó mới là cái lớp váng dầu nổi ở trên mặt nước! Tùy vào cái trình độ của các vị mà Giáo lý Duyên Khởi nó sâu cỡ nào!

Ví dụ, chỉ riêng cái chuyện mà do vô minh trong Bốn Đế thôi, do không hiểu rõ Bốn Đế mới tạo ra các hành, thì cái vô minh trong Bốn Đế nó có nhiều kiểu, cái vô minh của...

Cái vô minh của phàm nó khác của Thánh Hữu Học. Vị Tu-đà-hườn chưa có hiểu rõ ráo về Bốn Đế, cho nên vị đó mới còn luân hồi. Nhưng mà cái vô minh trong Bốn Đế của vị Tu-đà-hườn nó chỉ là sự chưa có rõ ráo thôi, chứ không phải là các ngài mù tịt. Còn cái sự vô minh của mình là nó mù tịt. Đó là cái chuyện thứ nhất.

Cái chuyện thứ hai, trong cái đám mù tịt này nó lại chia ra nhiều phe trong đó. Cái vô minh của phàm mà phàm Bồ-tát đâu có giống cái vô minh của phàm tào lao! Chắc chắn là nó phải khác. Thì tùy thuộc vào cái mức độ sâu dày, mịt mù của người mà nó mới dẫn tới cái chuyện là chúng ta tạo nghiệp thiện ác giống nhau hay khác nhau.

Chưa có hết, nó còn lạnh xương sống một chỗ nữa là ngay trong cái đám mà làm thiện nó cũng có vô vàn những dị biệt, có đúng không? Đừng có nói với tôi là hôm nay mình hùn tiền lại, mình làm cái việc lành có nghĩa là quả báu giống nhau. Không có đâu. Bởi vì cái background, cái nền tảng thiện ác, cái khuynh hướng tâm lý của mình vốn dĩ không có giống nhau. Mà nội mà xé ra được cái khác nhau đó là bao nhiêu chuyện trong đó!

Cho nên nếu mà hiểu phớt phớt thì Giáo lý Duyên Khởi hình như hơi dễ hiểu. Nhưng mà chịu đào sâu vô thì tới chết nói chưa hết. Bởi vì cái người mà hiểu tới nơi, tới chốn Lý Duyên Khởi là chỉ có vị Chánh Đẳng Chánh Giác thôi, bởi vì nó kéo theo đó biết là bao nhiêu vấn đề! Cho nên mình chỉ hiểu ở một chừng mực nào đó đủ để không còn phiền não nữa thì thôi.

Chỉ một cái bánh xèo trước mặt, mình tưởng là mình hiểu về bánh xèo, sai bét! Tại sao mà có người mỗi người làm một cách, cái cách pha bột nó đã không giống nhau. Mà vì sao vậy? Giá là làm sao? Mình có biết hết về củ sắn không? Mình liệu mình có hiểu hết về cái hạt đậu xanh đã làm nên cọng giá không? Mình có hiểu hết về những nguyên vật liệu đã làm nên cái chén nước chấm hay không? Mình có dám nói mình hiểu hết về cái trái ớt, trái chanh mà được dùng cho cái món bánh xèo hay không? Dám nói mình hiểu hết về tất cả những cọng rau thơm mà được dùng cho cái món bánh xèo không?

Cái kiến thức của chúng ta về cái cọng rau thơm nó được bao nhiêu, chúng ta biết được bao nhiêu? Chúng ta nhiều lắm, chúng ta biết nó có cái mùi, ăn nó hơi nhẫn nhẫn, nó đắng đắng, nó cay cay, nó the the, chứ chúng ta biết cái gì nữa! Chúng ta biết rằng một cái cọng rau, một lá cỏ mà đem vào phòng lab, người ta phân tích nó ra biết bao nhiêu chuyện. Các vị có biết không, có những cọng rau ăn vào nó giúp cho phổi, có những cái ăn vào nó hại thận, các vị có biết không? Các vị đâu có biết cái đó!

Chỉ có cái bánh xèo không là các vị đã biết không bao nhiêu rồi! Cứ vậy mà tưởng là mình ăn bánh xèo, là mình biết đồ bánh xèo, là cái gì mình cũng biết hết!

Các vị biết cái chuyện này còn lạnh xương sống nữa. Bên Anh có cái ông đó, ông bỏ ra 40 năm để ông nghiên cứu củ khoai tây, các vị biết không?

Còn cái này còn lạnh nữa. Các vị biết trong vòng 50 năm kể từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, người Đức và người Nhật, họ đã huy động một lực lượng khoa học gia hàng đầu của họ và những phương tiện công nghệ hàng đầu của họ, cùng với bao nhiêu bộ óc trác việt hàng đầu ở trong các trường đại học, để họ nghiên cứu nhiều vấn đề. Mà trong đó có một vấn đề là làm cách nào để tận dụng cái nguồn sống từ biển. Thứ nhất là lấy được cái năng lượng từ nước biển, làm sao mà biến đổi nước biển thành nước ngọt mà rẻ tiền nhất, không có để lại hậu quả xấu.

Và cuối cùng, họ còn nghĩ đến một chuyện là mai này, khi mà nhân loại tăng đông dân số thì cái diện tích đất đai không đủ để cung cấp thực phẩm, thì lúc đó chúng ta phải về với biển. Thế là họ đã bỏ ra biết bao nhiêu công sức, thời gian, tiền bạc và tâm tư đầu óc để mà họ nghiên cứu về rong biển. Chỉ rong biển không mà nó đã làm mòn cái đầu của bao nhiêu nhà bác học Nhật Bản và Đức, nói đúng là Tây Đức.

Tây Đức và Nhật Bản họ bỏ ra một thời gian rất dài và bao nhiêu tiền bạc, họ nghiên cứu và giải quyết về vấn đề thực phẩm. Còn một chuyện này nữa: cái nguồn dinh dưỡng trong rong biển cực cực lớn. Cho nên nếu mà biết gây tạo và nuôi trồng những cái loại rong biển tốt, thì mai này nhân loại không có lo sợ về vấn đề thực phẩm. Chỉ riêng cái seaweed, rong biển thôi, là các vị tưởng tượng nó là bao nhiêu chuyện rồi.

Cho nên khi ngài Anan mà ngài vào, ngài thưa với Phật, ngài nói: “Con nghĩ như vậy,” thì Đức Phật ngài nói:

“Không nên nghĩ như vậy, nó không có đơn giản như vậy đâu!”

Tuy nhiên, trong Chú giải có nói thế này: ngài Anan không phải là đại ngôn, không phải là cái người khoác lác, cũng không phải là người tự đại, cũng không phải là người nông nổi, mà ngài có cơ sở khi ngài nói với Phật như vậy.

Là vì sao? Là vì trong Chú giải Sumangala-Vilasini của bài Đại Duyên nói rất rõ là trong hàng đệ tử Thế Tôn, nhất là ngài Xá-lợi-phất, nhì là ngài Mục-kiền-liên, và ba là ngài Anan. Đây được xem là ba người mà có cái hiểu, cái nhận thức về Giáo lý Duyên Khởi sâu sắc nhất trong toàn bộ các vị Thánh đệ tử. Các vị khác vừa đủ để mà lìa bỏ phiền não, hoặc có thể sâu rộng hơn, người này hơn người kia một chút. Nhưng mà nếu nói chuyên gia hàng đầu về Giáo lý Duyên Khởi thì phải nói là ba vị, đó là ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Anan.

Vì trong đó ghi rất rõ. Vì sao vậy? Vì cách đây 100 ngàn đại kiếp, ngài Anan đã quỳ dưới chân Đức Phật Padumuttara và khẩn nguyện: “Đời sau con trở thành...”

Thị giả của một vị Phật tương lai, với cái bốn hạnh là Đệ nhất Đa văn. Bên cạnh Thế Tôn ấy, con có thể hỏi tất cả những vấn đề Giáo pháp mà con muốn biết. Và dĩ nhiên, khi mà trùng tuyên lại thì Ngài làm sao Ngài trùng tuyên hết được? Ngài chỉ trùng tuyên những gì mà Đức Phật thuyết giảng đầu đó.

Chứ còn nếu mà những cái suy tư của riêng Ngài, tức là cái gì mà có Đức Phật lên tiếng thì Ngài trùng tuyên, đúng. Nhưng mà những gợi ý của Đức Phật mà dẫn đến những cái nhận thức riêng của Ngài thì làm sao Ngài kể hết được? Tức là Ngài có kể lại những cái buổi nói chuyện của Ngài với Thế Tôn thì có, nhưng mà từ những lời dạy Thế Tôn mà Ngài trở về Ngài thấm thía như thế nào thì làm sao mà kể cho hết! Một cái đầu vĩ đại như vậy mà, tưởng tượng làm sao mà trùng tuyên cho hết!

Cho nên trong Chú giải mới nói thêm cái câu này để mình lạnh xương sống:

“Này các Tỳ-kheo, trong một dấu chân con bò không thể nào tìm thấy được một khối nước khổng lồ như đại dương; thì cũng vậy, trong một cái đầu óc bình thường làm sao tìm được một cái trí nhớ, một kiến thức bao la như Anan!”

Các vị tướng tượng khủng khiếp, cái sức nhớ của Ngài Anan kinh hoàng như vậy. Mà đâu phải Ngài nghe một mình Đức Phật. Ngài nghe tất cả các vị sư huynh, đại sư huynh, kể cả những vị sư đệ, kể cả những người cư sĩ, ai Ngài cũng lắng nghe hết. Ngài là Đa văn mà! Cái gì Ngài cũng nghe hết.

Cho nên Đức Phật Ngài nói là đừng có đại ngôn như vậy, không có nên nói như vậy, dễ gây hiểu lầm cho người khác. Nhưng mà trong Chú giải nói thêm là chính Đức Phật cũng thấy rõ là Ngài Anan là cái bậc đại hiền, đại trí. Có nghĩa là cái cách trả lời rất là gọn.